

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 10 năm 2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Lâm

2. Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 267/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: H6/7 Kiệt 387 đường A, tổ 18 (tổ 39 cũ), phường B, quận C, TP. Đà Nẵng (có mặt).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Mỹ T, sinh năm 1973;

Địa chỉ (Nơi cư trú cuối cùng): H6/7 Kiệt 387 đường A, tổ 18 (tổ 39 cũ), phường B, quận C, TP. Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là Ông Nguyễn Đình T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tôi chung sống với nhau từ năm 1992, nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống với nhau thì vợ

chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Do vậy, từ tháng 6 năm 2016 vợ tôi đã bỏ nhà đi khỏi địa phương, từ đó đến nay không có liên lạc gì với gia đình. Tôi đã đưa đơn đến Tòa án yêu cầu tuyên bố vợ tôi mất tích. Ngày 20/5/2019, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã ra quyết định tuyên bố vợ tôi là bà Huỳnh Thị Mỹ T mất tích.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với bà Huỳnh Thị Mỹ T.

- *Về con chung*: Tôi và Bà T có 02 con chung là Nguyễn Huỳnh Mỹ N, sinh ngày 02/8/1992 và Nguyễn Huỳnh Bảo Ch, sinh ngày 18/5/2003. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Huỳnh Bảo Ch, sinh ngày 18/5/2003 và tôi không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Huỳnh Mỹ N, sinh ngày 02/8/1992 đã trưởng thành nên không đề cập đến.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tôi không có tài sản gì.

- *Về nợ chung*: Không có.

* Bị đơn là bà Huỳnh Thị Mỹ T không có văn bản phản hồi, không tham gia các buổi hòa giải và không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

* Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự V/v yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 05/2019/QĐST-DS ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã tuyên bố: Bà Huỳnh Thị Mỹ T, sinh năm 1973, nơi cư trú cuối cùng: Tổ 18, phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng mất tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Đình T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị Mỹ T có địa chỉ cư trú cuối cùng tại tổ 18 (tổ 39 cũ), phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Mặc dù Bà T không có mặt tại địa phương, nhưng sau khi thụ lý vụ án, Tòa án vẫn tiến hành tổng đạt hợp lệ (niêm yết) các văn bản tố tụng theo đúng trình tự pháp luật quy định. Bà Huỳnh Thị Mỹ T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Cả 02 lần Tòa án mở phiên tòa Bà T đều không có mặt. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình T và bà Huỳnh Thị Mỹ T đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Đình T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bà Huỳnh Thị Mỹ T, lý do là vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, Bà T đã bỏ nhà đi khỏi địa phương kể từ năm 2016, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét yêu cầu của ông T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng yêu thương, chia sẻ, quan tâm nhau. Nhưng trên thực tế thì vợ chồng ông T, Bà T đã ly thân mỗi người sống ở mỗi nơi không ai còn quan tâm đến nhau.

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự V/v yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 05/2019/QĐST-DS ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã nhận định: “...*Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng nên từ tháng 6 năm 2016 bà Huỳnh Thị Mỹ T đã bỏ nhà đi cắt đứt mọi liên lạc với gia đình*...”. Do vậy Tòa án đã tuyên bố Bà Huỳnh Thị Mỹ T mất tích.

Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự nêu trên đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, việc mâu thuẫn của vợ chồng ông T, Bà T và việc Bà T bỏ nhà đi khỏi địa phương không còn chung sống với ông T là đã rõ ràng. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì sự kiện này không phải chứng minh.

HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với Bà T là thỏa đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Đình T và bà Huỳnh Thị Mỹ T có 02 con chung là Nguyễn Huỳnh Mỹ N, sinh ngày 02/8/1992 và Nguyễn Huỳnh Bảo Ch, sinh ngày 18/5/2003. Ly hôn ông T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Huỳnh Bảo Ch, sinh ngày 18/5/2003 và không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Huỳnh Mỹ N đã trưởng thành nên không đề cập đến. Xét điều kiện thực tế hiện nay cháu Bảo Ch đang ở với ông T và cháu có đơn trình bày nguyện vọng được ở với cha. Bà T đã mất tích, nên xét thấy nguyện vọng nuôi con của ông T như đã nêu trên là phù hợp với quy định tại các Điều 81,82,83 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Đình T xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Đình T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56; các Điều 81,82,83 của Luật hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của Ông Nguyễn Đình T đối với bà Huỳnh Thị Mỹ T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Đình T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Mỹ T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Huỳnh Bảo Ch, sinh ngày 18/5/2003 cho ông Nguyễn Đình T nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Huỳnh Thị Mỹ T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đình T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông T đã nộp tại biên lai thu số 0004866 ngày 14.6.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Đình T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- UBND p. An Khê, q. Thanh Khê, Tp Đà Nẵng);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Dân